

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2018.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hải

Ông Nguyễn Phú Hữu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 028, Tổ 2, Ấp 4, xã G, huyện L, tỉnh T.

Bị đơn: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 391, đường D, Tổ 13, Ấp 3, xã T, thành phố L, tỉnh T.

Anh H có mặt tại phiên tòa, chị T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/01/2018 và quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Bích T kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện L, tỉnh T.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Thời gian sau, anh H và chị T phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến. Năm 2014, chị T về nhà cha mẹ ruột tại xã T, thành phố L, tỉnh T sinh sống cho đến nay. Trong khoảng thời gian không sống chung, anh H nhiều lần hàn gắn tình cảm với chị T nhưng không hàn gắn

lại được. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay anh Phan Văn H yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T.

Con chung: Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Bích T có 02 con chung tên: Phan Trường G, sinh ngày 25/10/2004 và Phan Trường D, sinh ngày 15/11/2011. Hiện nay, 02 con chung đang sống chung với anh H.

Khi ly hôn, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn Chị Nguyễn Thị Bích T: Chị Nguyễn Thị Bích T không gửi (nộp) văn bản ý kiến cho Tòa án.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Bích T nhưng chị T không có văn bản ghi ý kiến đối với nội dung vụ án, đồng thời không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Nguyễn Thị Bích T có địa chỉ tại xã T, thành phố L, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Chị Nguyễn Thị Bích T hiện đang có mặt tại nơi cư trú, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời không có mặt tại phiên tòa hôm nay. Anh H đồng ý việc xét xử vắng mặt chị T tại phiên tòa theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Bích T được xác lập vào năm 2005, do anh H tự nguyện và thừa nhận, có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện L, tỉnh T nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, anh Phan Văn H cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T. Chị T không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về

quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, chị T không đến Tòa án và không gửi (nộp) văn bản ghi ý kiến, để trình bày về quan hệ hôn nhân. Mặc dù, Tòa án có thông báo cho chị T, yêu cầu chị T trình bày về quan hệ hôn nhân nhưng chị T cũng không gửi (nộp) cho Tòa án.

Hội đồng xét xử kết luận, anh H và chị T có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H, anh Phan Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T, theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Xét con chung*: Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Bích T có 02 con chung tên: Phan Trường G, sinh ngày 25/10/2004 và Phan Trường D, sinh ngày 15/11/2011. Hiện nay, 02 con chung đang sống chung với anh H. Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Phan Trường G, sinh ngày 25/10/2004 và Phan Trường D, sinh ngày 15/11/2011, con chung tên: Phan Trường G có nguyện vọng được sống chung với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T hiện đang có mặt tại nơi cư trú, chị T không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi 02 con chung, con chung tên Phan Trường G có nguyện vọng được sống chung với anh H. Từ khi anh H và chị T không sống chung đến nay, con chung tên Phan Trường G và Phan Trường D sống chung và gần gũi với anh H ổn định thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H. Tiếp tục giao 02 con chung tên: Phan Trường G, sinh ngày 25/10/2004 và Phan Trường D, sinh ngày 15/11/2011 cho anh H trực tiếp nuôi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Xét về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung; Chị T không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Xét tài sản chung và nợ chung*: Anh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không cho ai nợ; Chị T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí*: Anh Phan Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Bích T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn H, anh Phan Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn H. Tiếp tục giao 02 con chung tên: Phan Trường G, sinh ngày 25/10/2004 và Phan Trường D, sinh ngày 15/11/2011 cho anh H trực tiếp nuôi, hiện 02 con chung đang sống chung với anh H.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Anh Phan Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 04834 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Như vậy, anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị Bích T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Anh Phan Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- UBND xã G, huyện L, tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Thanh – Nguyễn Thị Ngọc Yến

Nguyễn Thị Kim Liên

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Liên

anh Minh có hành vi bạo lực đánh đập, dùng lời lẽ thậm tệ chửi chị Trang và không làm kinh tế phụ giúp chị Trang, cũng không phụ giúp công việc gia đình với chị Trang nên vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân giữa chị Trang và anh Minh đã đến mức trầm trọng,

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Để thi hành

Thành phố Cao Lãnh, ngày 03 tháng 02 năm 2017

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh